

## HOSE 20/06/2014

VNINDEX 560.78 **-6.57** **-1.16%**

KLGD 123,445,643 CP  
GTGD 2,506.53 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 85 CP  
CP Giảm giá 115 CP  
CP Đứng giá 104 CP



## HNX 20/6/2014

HNXINDEX 76.31 **-0.12** **-0.16%**

KLGD 34,805,431 CP  
GTGD 411.56 Tỷ  
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 77 CP  
CP Giảm giá 104 CP  
CP Đứng giá 198 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 607.23 **-6.59** **-1.07%**  
HNX30 152.85 **-0.13** **-0.08%**

## Tâm điểm

- ▶ **ETF cơ cấu danh mục, 2 sàn giảm điểm ngày cuối tuần**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng khá mạnh**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,900 tỷ đồng
- ▶ **VCCI: Tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 chuyển biến tích cực**  
Kết luận này được đưa ra sau khảo sát cảm nhận với nhóm doanh nghiệp của VCCI Dân Việt
- ▶ **Bất động sản nhận gần 400 triệu USD vốn đầu tư trong 5 tháng**  
Chiếm 7.2% trong tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký đầu tư vào Việt Nam Chính Phủ
- ▶ **Xuất khẩu dệt may tăng 16.4% trong nửa đầu năm**  
Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ đạt trên 24 tỷ USD  
Thời báo Tài chính Việt Nam
- ▶ **TCM: 5 tháng lãi sau thuế trên 75 tỷ đồng**  
Được biết, năm 2014, TCM đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 164.4 tỷ đồng  
Trí Thức Trẻ
- ▶ **VNM: đạt doanh thu xuất khẩu khoảng 1,240 tỷ đồng 5 tháng đầu năm**  
Kế hoạch đến hết năm 2014 Vinamilk sẽ đạt doanh thu xuất khẩu 4,000 tỷ đồng  
Đầu tư Chứng khoán

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,003,411	13.7	3.0	20.6%	11.0%
HNX	123,454	17.3	1.5	7.5%	4.0%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,126,865</b>	<b>15.9</b>	<b>2.9</b>	<b>19.4%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,989	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,735	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,560	19.8	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,918	52.0	5.0	1.8%	1.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,441	16.8	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	28,295	40.2	1.0	-4.0%	1.5%
Máy công nghiệp	7,760	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,942	13.7	1.3	14.5%	11.0%
Lốp xe	6,716	8.1	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,233	9.4	1.2	14.4%	6.4%
Thực phẩm	197,554	22.6	4.7	21.3%	16.4%
Dược phẩm	14,910	10.8	3.1	25.3%	16.7%
Phần mềm	16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,841	5.5	1.2	-6.7%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	204,908	17.2	5.5	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,448	13.2	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	244,668	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	130,121	11.0	2.3	27.4%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,919	9.7	1.9	20.5%	8.5%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Bà Trưng  
Hà Nội  
Việt Nam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**VCCI: Tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 chuyển biến tích cực.**

**Bất động sản nhận gần 400 triệu USD vốn đầu tư trong 5 tháng**

**Xuất khẩu dệt may tăng 16.4% trong nửa đầu năm**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**TCM: 5 tháng lãi sau thuế trên 75 tỷ đồng**

**VNM: đạt doanh thu xuất khẩu khoảng 1,240 tỷ đồng 5 tháng đầu năm**

**STP: Góp thêm 1.3 tỷ đồng tăng TLSH tại Xây dựng và thương mại Sơn Tùng**

## ► Tin kinh tế

Tại buổi công bố Báo cáo Động thái Doanh nghiệp Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014 do Viện Phát triển Doanh nghiệp - thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức, VCCI biết biết, kết quả khảo sát gần đây cho thấy dự cảm của các doanh nghiệp về lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2014 vẫn giảm so với cuối năm trước, nhưng mức giảm ít hơn rất nhiều so với năm 2013. Tuy nhiên, dự cảm của doanh nghiệp về yếu tố lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2014 đã tăng lên, với chỉ số dự cảm đạt +3 điểm.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT), trong 5 tháng đầu năm 2014, các nhà đầu tư nước ngoài đăng ký đầu tư vào Việt Nam hơn 5.5 tỷ USD (tính chung cả cấp mới và tăng vốn). Xếp sau lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng thì lĩnh vực kinh doanh Bất động sản (BDS) đứng vị trí thứ 3 về thu hút đầu tư nước ngoài với 9 dự án đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm đạt 399.33 triệu USD, chiếm 7.2%. Các chuyên gia cho rằng sở dĩ thị trường BDS Việt Nam hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài do thời gian gần đây cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối giữa các tỉnh, thành phố đã có sự đầu tư, hoàn thiện dần. Đặc biệt là dự thảo luật về việc cho người nước ngoài được mua nhà tại Việt Nam cũng giúp tăng thêm nguồn cầu, tạo động lực cho các nhà đầu tư rót vốn vào thị trường bất động sản...

Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam Lê Tiến Trường cho biết, bất chấp khó khăn chung của thị trường thế giới, 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam ước đạt 10.21 tỷ USD, tăng 16.4% so với cùng kỳ. Cũng theo ông Trường, trong khi tăng trưởng nhập khẩu dệt may của các thị trường chính không cao (như Mỹ tăng 3.2%, châu Âu tăng 5%, Nhật Bản 4.5%, Hàn Quốc 15.7%) thì xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các thị trường này vẫn hết sức lạc quan, nhất là thị trường Mỹ (tăng trưởng tới 14.5% so với cùng kỳ). Với kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ đạt trên 24 tỷ USD trong năm nay, toàn ngành sẽ về đích theo quy hoạch trước 6 năm.

## ► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HOSE: TCM), hoạt động kinh doanh tháng 5 của công ty đã đạt kết quả ấn tượng với doanh thu trên 10 triệu USD, LNST trên 1 triệu USD. Lũy kế 5 tháng, TCM đạt 50.1 triệu USD doanh thu và 3.57 triệu USD LNST. Tính theo tỷ giá đô la Mỹ liên ngân hàng (21,246 VND/USD), doanh thu và LNST 5 tháng đầu năm của TCM tương đương 1,064 tỷ đồng và 75.8 tỷ đồng. Kết quả này thậm chí còn vượt xa lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2013 của TCM (công ty mẹ và hợp nhất đều đạt xung quanh 56 - 57 tỷ đồng). TCM cho biết hiện công ty đang thực hiện triển khai dự án đầu tư và xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long.

Theo tin từ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) (HOSE: VNM), 5 tháng đầu năm năm 2014, Vinamilk đã đạt doanh thu xuất khẩu khoảng 1,240 tỷ đồng. Kế hoạch đến hết năm 2014 Vinamilk sẽ đạt doanh thu xuất khẩu khoảng 4,000 tỷ đồng, trong kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất năm 2014 đạt khoảng 36,298 tỷ đồng, tăng 15% so với tổng doanh thu hợp nhất năm 2013. Chiến lược xuất khẩu của Vinamilk trong 3 năm tới tập trung vào thị trường Trung Đông, Châu Phi, Cuba, Mỹ. Được biết, công ty vừa được công nhận là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2013 theo quyết định của Bộ Công thương. Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín sẽ được hoàn thuế giá trị gia tăng trước, kiểm tra sau và được hưởng các gói hỗ trợ từ Bộ Công thương theo quy định.

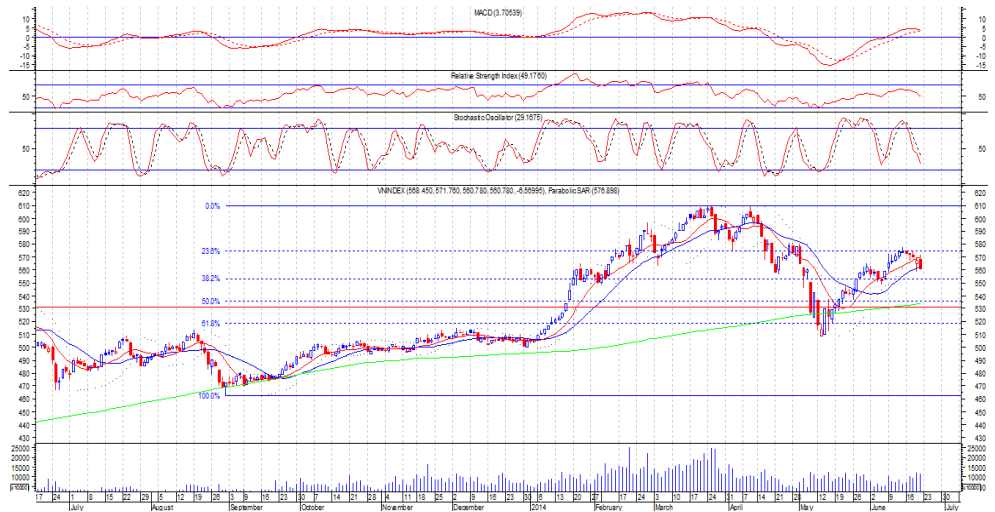
Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP) nhất trí thông qua việc góp vốn tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng. Theo đó, TP góp thêm 1,337,033,203 đồng tăng tỷ lệ sở hữu của Xây dựng và thương mại Sơn Tùng Vốn điều lệ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng hiện tại là 37.6 tỷ đồng. Trong đó STP góp 28.2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 75% vốn điều lệ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng. Vốn điều lệ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tùng sau khi tăng là hơn 39 tỷ đồng. Trong đó STP góp hơn 29.5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 75.356% vốn điều lệ

**HOSE** 20/06/2014 VNINDEX 560.78 -6.57 -1.16% 123,445,643 CP 2,506.53 bil VND

### ETF cơ cấu danh mục, 2 sàn giảm điểm ngày cuối tuần

VN-Index giảm 6.57 điểm (-1.16%), đóng cửa tại mức 560.78 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.

- MACD cho tín hiệu bán ra, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm đang khá mạnh.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh.
- MA20 tỏ ra hỗ trợ khá tốt cho TT phiên hôm nay.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 49.
- Nhịp tích lũy đi ngang tại vùng điểm 560 - 580 điểm vẫn đang được duy trì.



### HOSE Top 5 theo KLGD

STB	0.5 (2.4%)	23,664,070
PVT	-0.6 (-5.0%)	7,449,800
ITA	-0.2 (-2.5%)	6,194,490
FLC	-0.2 (-1.9%)	5,394,010
HAG	-0.2 (-0.8%)	4,748,710

### HOSE Top 5 theo % tăng

CYC	0.3 (7.0%)	350
MPC	2.4 (6.9%)	20
HDC	1.5 (6.8%)	30
KBC	0.7 (6.6%)	4,060,580
TNA	1.7 (6.5%)	10

### HOSE Top 5 theo % giảm

VSC	-10.5 (-17.1%)	42,250
LHG	-0.7 (-6.9%)	970
VFG	-3.1 (-6.9%)	100
PDR	-0.8 (-6.7%)	60
HHS	-1.7 (-6.6%)	390,460

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	487,5 tỷ	22,811,640
HVG	97,2 tỷ	3,952,560
DPM	75,7 tỷ	2,297,180
KBC	42,6 tỷ	3,817,990
BVH	16,0 tỷ	404,020

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-92,6 tỷ	1,766,230
PVT	-66,1 tỷ	5,738,770
MSN	-55,1 tỷ	618,950
PET	-49,4 tỷ	3,171,660
VIC	-31,8 tỷ	509,840

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	45,597,010	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tương đối tích cực ở phiên sáng, đà tăng vẫn duy trì trên diện rộng, tuy nhiên lực cơ cấu cuối phiên của quỹ ETF đã khiến VN-Index giảm điểm khá mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 116 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 367 tỷ trong phiên hôm nay. Đây là phiên cuối cùng của đợt chốt danh mục quỹ ETF, nên việc khối này mua mạnh cũng là hợp lý.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Chỉ số này vẫn đang trong vùng tích lũy mà chúng tôi đã lưu ý 550 - 580 điểm. Thanh khoản gia tăng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.7	5.6	33.4%	22.6%
VNM	833.4	121.0	100,845.92	15.8	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	24.9	66,359.24	15.5	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	88.5	65,039.65	209.5	4.7	2.2%	0.7%
VIC	894.2	62.5	55,890.03	7.6	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.7	41,324.68	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.5	26,878.62	21.7	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.5	24,818.27	10.7	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	21.5	24,564.00	11.0	1.5	13.5%	1.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

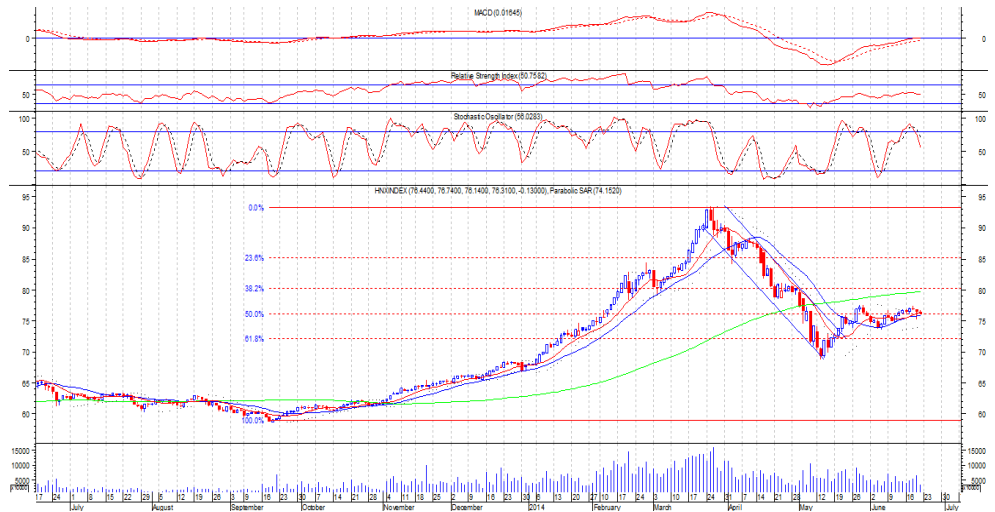
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	11.5	2,942.39	12.8	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.2	15,887.91	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.2	2,054.08	14.5	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.2	741.15	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.0	524.59	1.9	0.8	NA	TH.DOI

**HNX**      20/06/2014      HNX-Index      76.31      -0.12      -0.16%      34,805,431 CP      411.56 bil. VND

### ETF cơ cấu danh mục, 2 sàn giảm điểm ngày cuối tuần

Chỉ số HNX-Index giảm 0.12 điểm (-0.16%), đóng cửa tại mốc 76.31 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán, và tiếp tục sụt giảm.
- MACD đi ngang trở lại.
- RSI (14) giảm nhẹ và đạt mức 50.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



### HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0 (0.0%)	6,864,400
SHB	0.1 (1.1%)	5,085,890
SCR	-0.1 (-1.2%)	2,385,410
KLS	-0.1 (-0.8%)	2,242,060
PVS	0 (0.0%)	2,076,100

### HNX Top 5 theo % tăng

VCM	1.3 (10.0%)	200
BXH	1.1 (9.8%)	5,200
S12	0.6 (9.7%)	34,100
SMT	1.9 (9.5%)	100
VDL	2.4 (9.4%)	1,200

### HNX Top 5 theo % giảm

VTC	-0.5 (-10.0%)	300
SAF	-2.9 (-10.0%)	100
CAN	-3.1 (-9.7%)	100
CKV	-1 (-9.6%)	10,100
DHT	-2.9 (-9.4%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	31,4 tỷ	3,417,900
VND	1,9 tỷ	124,400
PVS	0,8 tỷ	29,200
PVG	0,3 tỷ	31,100
HLD	0,3 tỷ	18,200

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

APS	-0,2 tỷ	30,000
BVS	-0,1 tỷ	11,400
CVT	-0,1 tỷ	7,000
HMH	-0,1 tỷ	5,000
THT	0,0 tỷ	2,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	4,680,700	0.00

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tương đối tích cực ở phiên sáng, đà tăng vẫn duy trì trên diện rộng, tuy nhiên lực cơ cấu cuối phiên của quỹ ETF đã khiến VN-Index giảm điểm khá mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 34 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng, việc thanh khoản sụt giảm mang đến khá nhiều lo ngại cho TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 35 tỷ trong phiên hôm nay. Đây là phiên cuối cùng của đợt chốt danh mục quỹ ETF, nên việc khối này mua mạnh cũng là hợp lý.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.9	8,569.00	264.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.8	5,653.90	12.9	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.9	4,260.33	15.2	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	39.8	3,097.71	6.9	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.5	2,772.76	7.9	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.4	1,079.20	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.7	350.46	6.7	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	17.2	860.00	10.0	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.6	296.10	6.0	1.4	NA	TH.DOI



## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	15.35%	88.5	209.45	4.70	70,696	132,796	168,619
VIC	HOSE	894.2	55,890.03	14.46%	62.5	7.64	3.65	148,449	177,025	434,326
HPG	HOSE	481.9	24,818.27	11.74%	51.5	10.69	2.45	478,407	446,262	702,487
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.91	2.26	352,010	284,724	398,419
DPM	HOSE	379.9	12,537.83	8.01%	33.0	6.52	1.41	930,242	902,617	1,443,339
HAG	HOSE	718.2	17,092.08	7.98%	23.8	14.19	1.30	2,404,412	2,111,430	3,130,675
VCB	HOSE	2,665.0	66,359.24	6.11%	24.9	15.49	1.55	509,740	440,626	695,814
STB	HOSE	1,142.5	24,564.00	4.13%	21.5	10.96	1.45	2,611,797	2,283,791	1,252,359
BVH	HOSE	680.5	26,878.62	3.08%	39.5	21.70	2.13	184,714	256,771	421,716
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	2.71%	7.9	102.44	0.74	5,134,497	4,678,410	7,519,499
HSG	HOSE	96.3	4,064.41	2.68%	42.2	10.92	1.93	82,107	81,233	178,537
GMD	HOSE	114.4	3,638.61	2.26%	31.8	121.31	0.83	185,148	282,560	300,687
PPC	HOSE	318.2	6,235.83	2.03%	19.6	7.21	1.17	188,481	274,329	562,377
VSH	HOSE	206.2	3,258.61	1.74%	15.8	16.03	1.29	146,909	248,253	553,787
CSM	HOSE	67.3	2,590.74	1.64%	38.5	7.08	2.02	298,678	278,988	421,338
KBC	HOSE	389.8	4,404.29	1.48%	11.3	24.03	0.82	920,857	709,988	941,376
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.33%	43.1	9.55	2.49	87,629	117,543	252,095
PVT	HOSE	255.9	2,942.39	1.18%	11.5	12.81	1.08	643,733	558,808	840,500
DIG	HOSE	143.0	2,116.33	1.01%	14.8	42.17	0.95	244,587	196,852	454,154
OGC	HOSE	300.0	3,090.00	0.91%	10.3	46.36	0.98	1,475,502	1,307,190	2,464,010
PET	HOSE	69.8	1,089.54	0.87%	15.6	7.22	0.86	708,686	526,523	604,545

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.37%	26.8	7.88	1.40	1,390,171	1,322,940	2,277,166
VIC	HOSE	894.2	55,890.03	8.00%	62.5	7.64	3.65	148,449	177,025	434,326
VCB	HOSE	2,665.0	66,359.24	7.00%	24.9	15.49	1.55	509,740	440,626	695,814
BVH	HOSE	680.5	26,878.62	6.50%	39.5	21.70	2.13	184,714	256,771	421,716
DPM	HOSE	379.9	12,537.83	5.79%	33.0	6.52	1.41	930,242	902,617	1,443,339
STB	HOSE	1,142.5	24,564.00	4.26%	21.5	10.96	1.45	2,611,797	2,283,791	1,252,359
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.91	2.26	352,010	284,724	398,419
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.73%	7.9	102.44	0.74	5,134,497	4,678,410	7,519,499
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.98	0.76	4,106,087	4,580,636	7,157,366
PPC	HOSE	318.2	6,235.83	1.58%	19.6	7.21	1.17	188,481	274,329	562,377
OGC	HOSE	300.0	3,090.00	2.33%	10.3	46.36	0.98	1,475,502	1,307,190	2,464,010
GMD	HOSE	114.4	3,638.61	1.62%	31.8	121.31	0.83	185,148	282,560	300,687
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	8.00%	88.5	209.45	4.70	70,696	132,796	168,619
HAG	HOSE	718.2	17,092.08	2.83%	23.8	14.19	1.30	2,404,412	2,111,430	3,130,675
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.28%	43.1	9.55	2.49	87,629	117,543	252,095
VCG	HNX	441.7	5,653.90	3.58%	12.8	12.87	1.03	1,581,740	1,748,773	2,108,583
PVT	HOSE	255.9	2,942.39	2.05%	11.5	12.81	1.08	643,733	558,808	840,500

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	55,890.03	0.00%	62.5	7.64	3.65	148,449	177,025	434,326
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.00%	88.5	209.45	4.70	70,696	132,796	168,619
DPM	HOSE	379.9	12,537.83	0.00%	33.0	6.52	1.41	930,242	902,617	1,443,339
HAG	HOSE	718.2	17,092.08	0.00%	23.8	14.19	1.30	2,404,412	2,111,430	3,130,675
VCB	HOSE	2,665.0	66,359.24	0.00%	24.9	15.49	1.55	509,740	440,626	695,814
STB	HOSE	1,142.5	24,564.00	0.00%	21.5	10.96	1.45	2,611,797	2,283,791	1,252,359
BVH	HOSE	680.5	26,878.62	0.00%	39.5	21.70	2.13	184,714	256,771	421,716
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.64	0.99	250,434	250,642	612,349
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.69	5.61	357,389	382,454	450,210

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,039.65	0.81%	88.5	209.45	4.70	70,696	132,796	168,619
VIC	HOSE	894.2	55,890.03	0.55%	62.5	7.64	3.65	148,449	177,025	434,326
DPM	HOSE	379.9	12,537.83	0.26%	33.0	6.52	1.41	930,242	902,617	1,443,339
VCB	HOSE	2,665.0	66,359.24	0.20%	24.9	15.49	1.55	509,740	440,626	695,814
STB	HOSE	1,142.5	24,564.00	0.14%	21.5	10.96	1.45	2,611,797	2,283,791	1,252,359
BVH	HOSE	680.5	26,878.62	0.10%	39.5	21.70	2.13	184,714	256,771	421,716

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,989	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,735	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,808	24.2	0.7	3.2%	2.1%
Sản xuất giấy	767	7.9	0.7	10.7%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,560	19.8	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,612	4.1	0.7	18.4%	3.9%
Khai khoáng	11,918	52.0	5.0	1.8%	1.2%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,441	16.8	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	28,295	- 40.2	1.0	-4.0%	1.5%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,027	7.0	1.1	17.1%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	734	3.7	0.8	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,718	9.7	1.0	7.6%	3.8%
Thiết bị điện	1,625	- 17.3	0.7	-0.4%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,760	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,117	- 1.5	0.8	2.1%	-0.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,942	13.7	1.3	14.5%	11.0%
Dịch vụ vận tải	5,828	8.6	1.5	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,100	10.6	1.3	13.1%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	193	9.2	0.6	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	182	8.4	0.9	10.7%	4.9%
Chất thải & Môi trường	153	2.3	0.7	34.9%	17.1%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,849	10.5	1.4	13.1%	7.7%
Lốp xe	6,716	8.1	2.2	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,731	6.7	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	357	13.3	2.2	18.7%	11.5%
Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,233	9.4	1.2	14.4%	6.4%
Thực phẩm	197,554	22.6	4.7	21.3%	16.4%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	50	39.8	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,105	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	138	7.7	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,090	8.5	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,791	8.7	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	696	- 8.3	1.1	1.1%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		830	14.9	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		138	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		177	8.4	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		14,910	10.8	3.1	25.3%	16.7%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		728	13.0	1.1	12.7%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,038	8.2	1.3	14.8%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,018	8.1	0.9	12.1%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		202	8.9	3.8	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,656	35.4	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,154	27.1	1.4	15.0%	12.7%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,170	10.4	1.9	15.5%	13.7%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		62	14.5	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		514	20.4	0.7	3.1%	1.2%
Internet		296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		423	15.2	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		261	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,024	13.7	0.6	5.0%	3.6%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,841	-	5.5	-6.7%	3.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		204,908	17.2	5.5	33.0%	22.1%
Nước		1,171	6.3	1.0	16.7%	11.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,176	5.2	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,353	12.0	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,783	7.9	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,150	46.4	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,448	13.2	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		244,668	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		130,121	11.0	2.3	27.4%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		36,919	9.7	1.9	20.5%	8.5%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.